

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 382/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18- 9 -2019

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TC, TỈNH AG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hòa Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trường Vũ

2. Ông Phạm Thế Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Sang là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TC, tỉnh AG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TC, tỉnh AG tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Bảo Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TC xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 108/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 398/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 421/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Tổ 05, ấp NN, xã TT, thị xã TC, tỉnh AG (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1961; Nơi cư trú: Tổ 05, ấp NN, xã TT, thị xã TC, tỉnh AG (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim A trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Kim A và ông L sống chung với nhau vào năm 1980, hôn nhân là do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã nhau dẫn đến vợ chồng không còn sống chung từ đầu năm 2015 cho

đến nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Kim A yêu cầu được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Bà Kim A và ông L có 06 đứa con chung tên: Nguyễn Văn G, sinh năm 1981; Nguyễn Thị N, sinh năm 1989; Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; Nguyễn Vũ L, sinh năm 1991; Nguyễn Thị N, sinh năm 1995 và Nguyễn Thị C, sinh năm 1996. Tất cả đều trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Bà Kim A xác định trong thời gian chung sống với ông L có lập được tài sản chung là 01 căn nhà gắn liền với đất, diện tích đất ngang khoảng 06, dài khoảng 13m, kết cấu căn nhà: mái tol, vách tol, nền lót gạch tàu, khung gỗ tạp, tọa lạc tại tổ 05, ấp NN, xã TT, thị xã TC, tỉnh AG. Tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Kim A khai không có.

Bị đơn Nguyễn Văn L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông L thống nhất với lời trình bày của bà Kim A như trên về điều kiện kết hôn và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Ông L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Kim A.

- Về con chung: Ông L thống nhất với lời trình bày của bà Kim A có 06 người con chung, tất cả đều trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông L thống nhất như lời khai của bà Kim A, ông L đồng ý theo ý kiến của bà Kim A về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông L khai không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48; Điều 203; Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham giam tố tụng từ giai đoạn thụ lý vụ án cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn ông Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Về nội dung:

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim A và ông Nguyễn Văn L.

- Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Kim A và ông Nguyễn Văn L có 06 đứa con chung tên: Nguyễn Văn G, sinh năm 1981; Nguyễn Thị N, sinh năm 1989; Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; Nguyễn Vũ L, sinh năm 1991; Nguyễn Thị N, sinh năm 1995 và Nguyễn Thị C, sinh năm 1996. Tất cả đều trưởng thành, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản: Bà Nguyễn Thị Kim A và ông Nguyễn Văn L tự thỏa thuận, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kim A và ông Nguyễn Văn L khai không có, đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Kim A khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn L có địa chỉ cư trú tại: Tổ 05, ấp NN, xã TT, thị xã TC, tỉnh AG thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TC theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Kim A và ông L sống chung với nhau vào năm 1980, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn, cuộc sống chung hòa thuận hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cãi vã, bà Kim A và ông L không còn sống chung từ khoảng đầu năm 2015 cho đến nay, bà Kim A yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn L, ông L cũng đồng ý ly hôn với bà Kim A.

Xét thấy bà Kim A và ông L sống chung với nhau vào năm 1980, mặc dù không có đăng ký kết hôn nhưng theo quy định tại điểm c khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì hôn nhân của bà Kim A và ông L vẫn được xem là hôn nhân hợp pháp. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Kim A và ông L.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim A và ông Nguyễn Văn L có 06 đứa con chung tên: Nguyễn Văn G, sinh năm 1981; Nguyễn Thị N, sinh năm 1989; Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; Nguyễn Vũ L, sinh năm 1991; Nguyễn Thị N, sinh năm 1995 và Nguyễn Thị C, sinh năm 1996. Tất cả đều trưởng thành, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kim A và ông Nguyễn Văn L xác định trong thời gian chung sống có lập được tài sản chung là 01 căn nhà gắn liền với đất, diện tích đất ngang khoảng 06, dài khoảng 13m, kết cấu căn nhà: mái tol, vách tol, nền lót gạch tàu, khung gỗ tạp, tọa lạc tại tổ 05, ấp NN, xã TT, thị xã TC, tỉnh AG. Bà Kim A với ông L tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[2.5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà Kim A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001744 ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã TC, tỉnh AG,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 của Quốc hội ngày 09/6/2000 của Quốc hội; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

[1] *Về hôn nhân:* Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim A và ông Nguyễn Văn L.

[2] *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị Kim A và ông Nguyễn Văn L có 06 đứa con chung tên: Nguyễn Văn G, sinh năm 1981; Nguyễn Thị N, sinh năm 1989; Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; Nguyễn Vũ L, sinh năm 1991; Nguyễn Thị N, sinh năm 1995 và Nguyễn Thị C, sinh năm 1996. Tất cả đều trưởng thành.

[3] *Về tài sản chung:* Bà Nguyễn Thị Kim A và ông Nguyễn Văn L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0001744 ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TC, tỉnh AG.

[6] Bà Nguyễn Thị Kim A có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa cũng có quyền kháng cáo trong thời hạn trên, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND TX.TC;
- Chi cục THADS TX. TC;
- UBND xã TT;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hòa Bình